

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

Bản án số 38 /2022/HNGĐ-ST

Ngày 25/ 04/2022

"V/v Ly hôn".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

[1]. Ông Phạm Thành Đô.

[2]. Bà Lê Thị Thận.

Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Vinh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số 413 /2021/ TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15 /2022/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 03 năm 2022 giữa các đương sự:

[1]. Nguyên đơn: ông Đinh Văn T; sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ : thôn 7, xã B M, huyện B Đ , tỉnh Bình Phước.

[2]. Bị đơn: bà Tống Thị L; sinh năm 1971(vắng mặt)

Địa chỉ : thôn 7, xã B M, huyện B Đ , tỉnh Bình Phước .

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

Tôi và bà Tống Thị L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước ngày 05/3/1994, quá trình sống chung đến năm 2019 thì vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp với nhau, bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi nhau, bà Lan thường xuyên bỏ nhà đi, giấu địa chỉ, nay tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì được hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Đinh Thị Mai, sinh năm 1995; Đinh Văn Sơn, sinh năm 1997, Đinh Văn Hiếu, sinh năm 2002, các con đã thành niên, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Tống Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua lời khai gửi qua đường bưu điện, đóng dấu tại huyện Chơn Thành, trình bày: Bà yêu cầu Tòa án hoãn việc giải quyết vụ ly hôn này, bà chưa muốn ly hôn, mâu thuẫn vợ chồng là do tạm thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: ông Đinh Văn T có đăng ký kết hôn với bà Tống Thị L, nay nguyên đơn xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “ Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng ông Đinh Văn T và bà Tống Thị L tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông Đinh Văn T và bà Tống Thị L là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, ông Đinh Văn T và bà Tống Thị L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2019, các bên đã sống ly thân. Bà Tống Thị L yêu cầu Tòa án hoãn việc giải quyết vụ ly hôn này là không có căn cứ theo quy định pháp luật. Bà Tống Thị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do tạm thời nhưng bà không có tài liệu chứng cứ chứng minh, không đến Tòa án làm việc, cố tình giấu địa chỉ, Lời khai ông Đinh Văn T trình bày là có căn cứ. Như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Đinh Văn T được ly hôn với bà Tống Thị L.

[4] Về con chung: Đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: ông Đinh Văn T nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, ông Đinh Văn Tđược ly hôn với bà Tổng Thị L.

[2] Về con chung: Đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: ông Đinh Văn Tđộp số tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000125 ngày 22/11/2021(đã nộp xong).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên